

Bản án số: 256/2025/HS-PT
Ngày: 17 - 4 - 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiến hành xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1192/2024/TLPT - HS, ngày 25 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo: Trần Thành T, Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Đỗ Thanh N, Nguyễn Hoàng N1, Dương Thái K.

Do Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS –ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thành T, tên gọi khác: T M; Sinh năm 2001 tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký thường trú: Số D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Tổ E, khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án: ngày 29/9/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 20/01/2023; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 08/01/2024; Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thành T:* Ông Bùi Văn B, luật sư chỉ định thuộc Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt)

2. Huỳnh Nguyễn Thanh T1, tên gọi khác: T D; Sinh năm 1993 tại huyện C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Số A, tổ E, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 08/01/2024; hiện tại tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A. (có mặt)

3. Đỗ Thanh N; Sinh năm 2002 tại thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Số D, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án: ngày 27/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Gây mất trật tự công cộng”, chấp hành xong bản án ngày 14/6/2023; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 08/01/2024; hiện tại tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.(có mặt)

4. Nguyễn Hoàng N1; Sinh năm 2005 tại thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Số D đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án: ngày 22/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong bản án ngày 14/10/2023; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 09/01/2024; Hiện tại tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A. (có mặt)

5. Dương Thái K; Sinh năm 2006 (tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 09 tháng 12 ngày), tại thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Số A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 08/01/2024; Hiện tại tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A.(có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Bùi Văn B, Luật sư chỉ định thuộc Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt)

Ông Dương Thái K, Luật sư chỉ định thuộc Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. (vắng mặt, có gửi bài bào chữa).

Ngoài ra còn có các bị cáo khác, người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến việc xem xét kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 06/01/2024, Trần Minh T2 thách thức với Phạm Văn S (Cu đen) đến khu vực khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang sử dụng dao tự chế chém nhau giải quyết mâu thuẫn. Để thực hiện, T2 rủ Trần Văn N2, Bạch Nhựt H và điện thoại rủ thêm nhóm của Trần Thành T (T), Huỳnh Nguyễn Thanh T1 (T), Dương Thái K, Đỗ Thanh N, Nguyễn Hoàng N1 và Nguyễn Lê Phương T3 mang theo nhiều hung khí dao tự chế, dao lê, mỗi loại dài khoảng 50cm – 80cm, lưỡi bằng kim loại sắc bén, mũi nhọn và 01 khẩu súng công cụ hỗ trợ bắn đạn nổ uy hiếp cỡ (9x22)mm tập trung gặp nhau tại cổng chào P, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi cả nhóm thống nhất đi tìm S, cả nhóm đi trên 04 xe mô tô. Trong đó, H điều khiển xe mô tô chở N2 cầm dao tự chế, T2 cầm dao tự chế và khẩu súng công cụ hỗ trợ chạy phía trước dẫn đường, còn T mang theo dao lê chở T3 cầm dao tự chế; T1 chở K cầm dao tự chế; N1 chở N cầm dao tự chế hướng ra thành phố L để tìm S. Khi đến đường N về cầu T thuộc phường M, thành phố L thì nhóm của T2 gặp Phan Thanh H1 điều khiển xe mô tô chở Ngô Mạch Hoàng Sùng M (M) đi hướng ngược lại, T2 nhầm tưởng là nhóm S nên kêu cả nhóm “Nó kia, chém nó luôn” thì cả nhóm quay xe rượt đuổi theo H1 và M. Phát hiện bị rượt đuổi, H1 tăng ga điều khiển xe chở M bỏ chạy đến khu vực chợ M2 thì bị xe Thượng đuổi kịp và T2 cầm súng bắn 02 phát về phía M và H1, trong đó H1 trúng 01 phát vào vai phải và M trúng 01 phát vào bắp chân phải. Khi bị bắn, H1 ngã xe xuống đường, H1 bỏ chạy bộ thoát thân vào hẻm trên đường H nên nhóm T2 không đuổi kịp, còn M bỏ chạy bộ vào khu vực chợ M2 thì bị nhóm T2 cầm dao tự chế, dao lê rượt đuổi theo M khoảng 200 mét thì đuổi kịp. N2 cầm dao tự chế xông vào chém liên tục từ trên xuống vào đầu, tay, chân của M trong tư thế M đang ngồi đưa tay lên đỡ và kêu la “không phải em, không phải em”, thì T3 tiếp tục cầm dao tự chế xông vào chém liên tiếp nhiều nhát vào người M. Lúc này, T phát hiện có camera nhà dân quay ngay hướng nhóm T nên kêu T3 kéo M ra khoảng 5 mét để khuất hướng camera, T2 cầm dao xông vào chém nhiều nhát vào người M, còn T cầm dao lê đâm 01 nhát vào bả vai trái của M gây thấu phổi, làm M chết ngay tại chỗ, rồi cả nhóm T lên xe mô tô rời khỏi hiện trường. T đến khu vực cầu D, phường M ném bỏ 02 cây dao xuống sông, rồi bỏ trốn. Ngay sau khi gây án, Trần Văn N2 đến Cơ quan

điều tra đầu thú; còn T, T1, N, H1, K, T3, N1 lần lượt bị bắt giữ; riêng T2 đã bỏ trốn.

Lần lượt các ngày 15/01/2024, ngày 27/02/2024 T, T1, T3, N2, N, N1, H1, K và T2 bị khởi tố điều tra.

- Kết luận giám định pháp y tử thi số 46/KL-KTHS ngày 06/01/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh A, kết luận đối với Ngô Mạch Hoàng Sùng M:

Các kết quả chính: Vùng bả vai trái có vết thương kích thước (01x01) cm, khép vết thương dài 2,5 cm, hình khe, bờ mép sắc gọn, góc trên tù, góc ngoài nhọn; cách đường giữa lưng 2,2 cm và cách dưới bờ vai trái 12,6 cm. Khoang màng phổi trái có nhiều máu loãng, khoảng 1000ml. Phổi trái xẹp, thủng mặt sau thùy dưới phổi trái. Bầm tụ máu và thủng cơ liên sườn 4-5 cung sau bên trái. Kết luận: Nguyên nhân chết: Sốc mất máu cấp do vết thương gây lủng phổi trái.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 24/24/KLTTCT-TTPY ngày 09/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Phan Thanh H1, kết luận:

Các kết quả chính: Vết thương chưa liền sẹo vùng bả vai phải, kích thước (1.5 x 01) cm, là vết thương có kích thước nhỏ, tỷ lệ 01% (Không một phần trăm).

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/20219 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Phan Thanh H1 tại thời điểm giám định (áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư) là 01% (Không một phần trăm).

Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích trên nhiều khả năng do vật tày có gia tốc gây nên.

- Kết luận giám định số 937/KL-KTHS ngày 31/01/2024 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 02 (hai) vỏ đạn đã bắn gửi giám định là vỏ đạn nổ uy hiếp cỡ (9x22) mm, thuộc công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng hay có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho súng công cụ hỗ trợ cỡ 9mm. Sử dụng khẩu súng phù hợp bắn với loại đạn nêu trên, trúng cơ thể người có thể gây thương tích.

- Kết luận giám định số 251/KL-KTHS ngày 28/3/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh A, kết luận: Trích xuất dữ liệu File ghi âm lưu trữ trong đĩa DVD (ký hiệu A), do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A gửi giám định thành văn bản, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo: 01 Phụ lục gồm 03 trang A4.

- Kết luận giám định số 85/KL-KTHS ngày 04/3/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh A, kết luận:

Trích xuất 46 (bốn mươi sáu) ảnh từ dữ liệu 02 tập tin video lưu trữ trong USB (ký hiệu A) do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A gửi giám định, chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo.

Trích xuất nội dung âm thanh lưu trữ trong tập tin video Đoạn 1: giọng nam nói “Camera nó quay” tại thời gian 00:52:35 (theo thời gian hiển thị trên khung hình tập tin video).

Tập tin video Đoạn 2: Không lưu trữ âm thanh.

Kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 18 trang A4.

- Kết luận giám định số 57/KL-KTHS ngày 29/02/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh A, kết luận:

Vết màu nâu dính trên lưỡi cây dao có tổng chiều dài 73cm gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu B.

Vết màu nâu dính trên lưỡi cây dao có tổng chiều dài 80cm gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu B.

Vết màu nâu dính trên cây dao có tổng chiều dài 21,5cm gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu B.

Vết màu nâu thu tại hiện trường vị trí số 01 là máu người, thuộc nhóm máu B.

Vết màu nâu thu tại hiện trường vị trí số 02 là máu người, thuộc nhóm máu B.

Mẫu máu của tử thi Ngô Mạnh Hoàng Sùng M, thuộc nhóm máu B.

Lời khai của bị hại H1; đại diện hợp pháp cho bị hại Ngô Thị Mộng T4 (mẹ ruột của bị hại M); người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị

Thúy O (mẹ ruột của bị hại H1), Phạm Thị Mộng T5 (mẹ ruột của bị cáo N2), Đỗ Thanh H2 (cha ruột của bị cáo N), Lê Thị Thu B1 (mẹ ruột của bị cáo T3), Thái Thị Tuyết M1 (mẹ ruột bị cáo N1), Dương Thị Tố L (mẹ bị cáo K), Trần Thị Phương N3 (vợ bị cáo T1), Lư Thu B2 (mẹ ruột bị cáo T); Bạch Thị Thùy H3, Nguyễn Phước T6, Nguyễn Ngọc T7 (mẹ của T6), Hà Kim N4; người làm chứng B Trước (ông nội bị cáo H1), Lê Thị Bích T8, Lâm Thị Tiểu Y (bạn gái T2), Phan Thị Thu D1 trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Hiện, bà Ngô Thị Mộng T4 đã nhận 55.000.000 đồng do bà Thu B2, bà T7, ông H2, bà N3 nộp khắc phục một phần hậu quả thay cho các bị cáo, gồm: T 20.000.000 đồng, N2 20.000.000 đồng, T3 5.000.000 đồng, N 5.000.000 đồng, T1 5.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường thêm dân sự là 76.000.000 đồng. Riêng H1, O yêu cầu bồi thường chi phí điều trị vết thương 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Thành T, Trần Văn N2, Nguyễn Lê Phương T3, Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Đỗ Thanh N, Nguyễn Hoàng N1, Bạch Nhựt H, Dương Thái K khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án, lời khai của bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định pháp y tử thi, Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống, các kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

*** Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:**

- Thu giữ: 02 vỏ đạn đã bắn, dưới vỏ đạn có ký hiệu OZK 9mm P.A; 04 cây dao bằng kim loại màu trắng, lưỡi sắc, mũi nhọn, mỗi cây có tổng chiều dài lần lượt 73cm, 80cm, 23cm, 48,5cm; 02 cây dao bấm dài khoảng 21cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc bén, mũi nhọn; 01 cây dao dài 21,2cm, bằng kim loại sắc bén, mũi nhọn, trên lưỡi dao có in chữ KINWI-BRAND STAINLESS STEEL; 01 cây dao Thái Lan dài 21,2cm, lưỡi bằng kim, một đầu lưỡi sắc, mũi dao bị gãy đầu nhọn, cán dao bằng nhựa màu vàng có chữ "Kiwi"; 06 xe mô tô biển số 67B2-691.82, 67B2-343.26, 67N1-628.25, 67K1-668.10, 67C1-768.50; 67N5-5516 và một số đồ vật tài liệu có liên quan.

Tại Cáo trạng số 95/CT-VKSAG-P2 ngày 09/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố Trần Thành T, Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Lê Phương T3, Trần Văn N2, Đỗ Thanh N, Nguyễn Hoàng N1, Bạch Nhựt H, Dương Thái K về tội "Giết người" theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Bà Ngô Thị Mộng T4 yêu cầu bồi thường thêm số tiền về tổn thất tinh

thần là 234.000.000 đồng, bị hại H và đại diện hợp pháp yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS –ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thành T, Huỳnh Nguyễn Thành T9, Nguyễn Lê Phương T3, Trần Văn N2, Đỗ Thanh N, Bạch Nhựt H, Dương Thái K, Nguyễn Hoàng N1 phạm tội “Giết người”.

1. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thành T tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thành T để đảm bảo việc thi hành án.

2. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Phương T3 tù chung thân. Thời hạn tù tính kể từ ngày 09/01/2024.

3. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Nguyễn Thanh T1 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 08/01/2024.

4. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn N2 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 06/01/2024.

5. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh N 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 08/01/2024.

6. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N1 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 09/01/2024.

7. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Bạch Nhựt H 07 (B3) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 06/01/2024.

8. Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Dương Thái K 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 08/01/2024.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, bị cáo Trần Thành T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, bị cáo Huỳnh Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 15 tháng 12 năm 2024, bị cáo Huỳnh Nguyễn Thanh T1 có đơn xin rút kháng cáo với lý do: Mức án 13 năm tù là phù hợp với hành vi phạm tội của tôi.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, bị cáo Đỗ Thanh N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 09 tháng 12 năm 2024, bị cáo Đỗ Thanh N có đơn xin rút kháng cáo với lý do: Tôi nhận thấy bản án sơ thẩm mà Tòa đã tuyên là đúng người đúng tội.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, bị cáo Nguyễn Hoàng N1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 17 tháng 12 năm 2024, bị cáo Nguyễn Hoàng N1 có đơn xin rút kháng cáo với lý do: Tôi thấy mức án 13 năm mà Tòa sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với hành vi phạm tội của tôi.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, bị cáo Dương Thái K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bào chữa cho bị cáo Trần Thành T luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét đến tình tiết bị cáo T và bị hại không quen biết, không hận thù, không tác động vật lý, không đe dọa giết. Theo đó, quan điểm của Viện kiểm sát yêu cầu áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Trần Thành T là chưa đủ căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét đến hung khí mà bị cáo Trần Thành T sử dụng là con dao có lưỡi dài khoảng 40cm và bản rộng khoảng 7cm so với vết thương vùng bả vai gây nên cái chết của bị hại M là không đúng. Ngoài ra, đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Thành T cũng đã bồi thường theo yêu cầu của đại diện bên bị hại đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Thành T và các bị cáo trong cùng vụ án.

Bào chữa cho bị cáo Dương Thái K luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tình tiết bị cáo K là người dưới 18 tuổi, có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời, xem xét các tình tiết giảm nhẹ gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự quan tâm, giáo dục từ gia đình nên có thể do kích động, bị lôi kéo từ bị cáo Trần Minh T2. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Dương Thái K.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thành T: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của bản thân mình là sai, xin hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Dương Thái K: bị cáo đã ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trần Văn T10, Dương Thái K, Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Đỗ Thanh N và Nguyễn Hoàng N1 nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nội dung kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Ngày 9/12/2024 bị cáo Đỗ Thanh N có đơn rút đơn kháng cáo, ngày 17/12/2024 các bị cáo Nguyễn Hoàng N1 và Huỳnh Nguyễn Thanh T1 có đơn rút đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm cả ba bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu rút lại nội dung kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng N1, Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Đỗ Thanh N.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thành T và Dương Thái K: hai bị cáo

tại phiên tòa phúc thẩm nhìn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản án sơ thẩm quy kết, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận của hai bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm cũng như lời khai của các bị cáo khác trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm quy kết: Hành vi của các bị cáo Trần Thành T, Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Lê Phương T3, Trần Văn N2, Đỗ Thanh N, Nguyễn Hoàng N1, Bạch Nhựt H, Dương Thái K đã phạm tội “*Giết người*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của con người; đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà mỗi bị cáo phải chịu. Vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án, hậu quả của hành vi phạm tội của mỗi bị cáo gây ra. Cụ thể như sau:

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, tính chất đồng phạm của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Các bị cáo có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân dẫn đến phạm tội. Hậu quả là không thể khắc phục được, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4.2] Trong vụ án này bị cáo Trần Thành T là người giữ vai trò chính, còn các bị cáo khác là đồng phạm trong đó có bị cáo N1 đã trực tiếp thực hiện tội phạm và giúp sức tích cực để tội phạm được thực hiện.

Quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo Trần Thành T, Nguyễn Lê Phương T3 và Trần Văn N2 là người trực tiếp sử dụng dao đâm, chém giết chết bị hại. Khi Trần Minh T2 rủ rê bị cáo chuẩn bị hung khí dao tự chế và khẩu súng công cụ hỗ trợ để tìm nhóm của Phạm Minh S1 (Cu Đen) bắn, chém giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo Trần Thành T đã rủ rê, lôi kéo các bị cáo Nguyễn Lê Phương T3, Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Dương Thái K, Đỗ Thành N5, Nguyễn Hoàng N1

mang theo nhiều hung khí nguy hiểm dao tự chế, dao lê, mỗi loại dài khoảng 50cm – 80cm, lưỡi bằng kim loại sắc bén, mũi nhọn cùng đi xe mô tô đến gặp nhóm T2 tại cổng chào P để đi tìm nhóm S1 đâm, chém giải quyết mâu thuẫn. Khi T2 cầm súng bắn 02 phát về phía M và H, H bị trúng đạn ở vai trái nên bỏ chạy bộ thoát thân vào hẻm trên đường H; M bị trúng đạn ở chân phải và nhóm T2 cầm dao tự chế, dao lê rượt đuổi khoảng 200 mét. Bị cáo Trần Văn N2 (không kháng cáo) cầm dao tự chế xông vào chém liên tục từ trên xuống vào đầu, tay, chân của M trong tư thế M đang ngồi đưa 02 tay lên đỡ và kêu la. Cùng lúc này, bị cáo Nguyễn Lê Phương T3 (không kháng cáo) cầm dao xông vào tiếp tục chém nhiều nhát từ trên xuống vào người M làm M không còn khả năng kháng cự. Bị cáo Trần Thành T cầm dao lê xông vào phát hiện có camera nhà dân hướng quay về nhóm của T, bị cáo T không hề sợ hãi với bản tính côn đồ, hung hãn mất hết tính người. Trần Thành T kêu bị cáo T3 nắm cổ áo bị hại M kéo ra xa tầm camera quan sát để tiếp tục thực hiện hành vi đánh, chém bị hại M trong tình trạng không còn kháng cự được. Khi Ngô Mạch Hoàng Sùng M bị T3 kéo xa tầm quan sát của camera, Trần Minh T2, Nguyễn Lê Phương T3 và Trần Văn N2 tiếp tục cầm dao xông vào chém nhiều nhát vào người M, còn bị cáo T cầm dao lê sắc bén, mũi nhọn đâm 01 nhát từ phía sau lưng của M. Hậu quả bị hại M bị sốc mất máu do vết thương gây lủng phổi trái dẫn đến tử vong.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo Trần Thành T:

- Tình tiết tăng nặng: Nhân thân xấu, chưa được xóa án tích lại tái phạm nên bị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Lẽ ra bị cáo Trần Thành T còn áp dụng tình tiết tình tiết “*Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải*”; “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” theo các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Thành T thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là nhằm tước bỏ tính mạng của nhiều người. Vai trò tham gia trong vụ án là người trực tiếp rủ rê lôi kéo tội phạm, trong đó có nhiều bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bị cáo T giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu, vừa chỉ đạo đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực; là người trực tiếp cầm dao lê đâm vào người M gây sốc mất máu lủng phổi trái làm M chết ngay tại chỗ. Hành vi phạm tội của bị cáo T thể hiện tính tàn độc, quyết tâm thực hiện tội phạm đến

cùng, mất hết nhân tính, gây căm phẫn trong quần chúng nhân dân.

Từ đó cấp sơ thẩm đánh giá: Bị cáo Trần Thành T là người coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương, việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo sẽ không có tác dụng giáo dục nên áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất, loại bỏ bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo kháng cáo có đưa ra chứng cứ sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại 50.000.000 đồng (Trong đó có khắc phục thêm 10 triệu đồng) (BL số 1261) và được mẹ ruột của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt ngày 22/11/2024 (BL số 1260).

Tuy nhiên, với hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Số tiền 50.000.000 đồng của gia đình bị cáo Trần Thành T nộp cho gia đình bị hại được giải quyết trong quá trình thi hành án dân sự.

[4.3] Đối với bị cáo Dương Thái K là người chưa thành niên, không trực tiếp sử dụng hung khí là súng, công cụ hỗ trợ, dao tự chế đâm, chém gây thương tích cho bị hại H và giết chết bị hại M, nhưng bị cáo là đồng phạm giúp sức tích cực, cụ thể bị cáo mua sẵn nhiều hung khí để ở nhà hoang, phía sau nhà anh T1. Bị cáo cầm lê, còn phát hung khí cho bị cáo N5 và Ba T11 tham gia vụ án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Dương Thái K là người chưa đủ 18 tuổi, nên được áp dụng quy định đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Mức hình phạt 9 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nào khác nên bác kháng cáo của bị cáo Dương Thái K; giữ nguyên mức hình phạt của án sơ thẩm như đề nghị của kiểm sát viên.

Do kháng cáo không được chấp nhận chấp nhận nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021;

[1] Chấp nhận việc rút kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Đỗ Thanh N và Nguyễn Hoàng N1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T1, N và N1.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2024/HS –ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Huỳnh Nguyễn Thanh T1, Đỗ Thanh N và Nguyễn Hoàng N1.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thành T và Dương Thái K1.

[2.1] Tuyên bố các bị cáo Trần Thành T và Dương Thái K phạm tội “*Giết người*”.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thành T tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thành T để đảm bảo việc thi hành án.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Dương Thái K 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 08/01/2024.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thành T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Dương Thái K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn)

đồng.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong hạn 7 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm bị cáo Trần Thành T được quyền gửi đơn đến Chủ tịch Nước để xin ân giảm án tử hình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (5)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- Công an tỉnh An Giang; (1)
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Sở tư pháp tỉnh An Giang (1)
- Trại tạm giam công an tỉnh An Giang (1)
- Bị cáo (tại trại giam); (5)
- Lưu VP (5), HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn